

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 11 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhàn.

Ông Vũ Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1989; ĐKTT: Số X/179 L L, phường G, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số LK1-32 liền kề H H, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tri V, sinh năm 1985; ĐKTT: Thôn A, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số X Tôn Đức Thắng, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Chị T và anh V tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 28/10/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2021 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng nên từ tháng 4/2024 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Nay chị T xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017, Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023. Chị T yêu cầu được nuôi cháu N, giao 03 cháu còn lại cho anh V nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, chị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/10/2024, bị đơn trình bày: Anh V nhất trí với ý kiến của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn. Anh V xác nhận, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh V yêu cầu được nuôi cả 04 con chung là Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017, Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, anh V không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 09/10/2024, cháu Nguyễn Tri Nhật M và Nguyễn Tri Nhật A đều có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh tại địa phương: Chị T và anh V tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống, địa phương không rõ mâu thuẫn giữa chị T và anh V. Chị T và anh V có 04 con chung là Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017, Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023. Chị T và anh V làm nghề buôn bán, kinh doanh đồ gia dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh V.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị T có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh V có nơi cư trú tại xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Tri V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Tri V tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét, chị T và anh V có tính cách, quan điểm không hợp nhau, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Tri V.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 04 con chung là Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017, Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023. Chị T yêu cầu được nuôi cháu N, giao 03 cháu còn lại cho anh V nuôi dưỡng, anh V yêu cầu được nuôi cả 04 con chung. Xét thấy, cả chị T và anh V đều là người có điều kiện nuôi con. Cháu Minh và Nhật Anh có nguyện vọng được ở với anh V, cháu Nam dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, việc giao con chung theo yêu cầu của chị T là phù hợp điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi, nguyện vọng của con cũng như các quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 cho anh V nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023 cho chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Tri V.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tri Nhật M, sinh ngày 09/12/2012, Nguyễn Tri Nhật A, sinh ngày 21/02/2017, Nguyễn Nhật H, sinh ngày 04/8/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Tri Nhật N, sinh ngày 19/7/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con hai bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008552 ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện AN Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính